TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đỗ Tấn Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Luận
Ông Nguyễn Duy Khải

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Thùy Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST-HN&GĐ ngày 24/3/2025 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐST-HN&GĐ ngày 06/6/2025, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Như H**, sinh năm 1992; Địa chỉ: 99 đường 6B P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

+ Bị đơn: Ông **Lưu Hùng M**, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ liên hệ: 83/12 P, phường 0, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Như H trình bày*:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lưu Hùng M tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/12/2022.

Qúa trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hoà hợp được. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không thể sống chung được nữa,

hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Bà xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Hùng M.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Không có con chung nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lưu Hùng M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông thống nhất với bà H về quá trình sống chung và đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung thì có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân là do làm ăn không thuận lợi, vợ trách móc, không thông cảm, ông yêu cầu ra ở riêng nhưng vợ đòi sống chung với ba mẹ vợ, dẫn đến vợ chồng không hoà hợp được, hiện vợ chồng sống riêng từ thời điểm tháng 8/2024 cho đến nay. Theo ông thì mâu thuẫn vợ chồng chưa nghiêm trọng, vẫn có thể hoà hợp sống chung được, ông vẫn muốn đàn tụ với vợ. Đề nghị Toà án tạo điều kiện cho tôi với bà H được hoà giải đàn tụ, trường hợp không hoà giải giải được thì sẽ quyết định ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Như H. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung không có nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*: Bà Đặng Thị Như H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lưu Hùng M có nơi cư trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn". Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Như H, bị đơn ông Lưu Hùng M vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Như H, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông M là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 07/12/2022 tại UBND phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, dẫn đến vợ chồng không thể sống chung, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân và xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa và bà yêu cầu được ly hôn. Ông M cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hiện tại đang sống ly thân, nguyên nhân là do làm ăn không thuận lợi, vợ trách móc, không thông cảm, ông yêu cầu ra ở riêng nhưng vợ đòi sống chung với ba mẹ vợ, dẫn đến vợ chồng không hoà hợp được, ông có nguyện vọng được đàn tụ với bà H, trường hợp bà H cương quyết thì ông quyết định ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà H, ông M các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà H, ông M đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H được ly hôn với ông M.

[4] Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H, ông M không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Đặng Thị Như H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Như H;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Như H được ly hôn với ông Lưu Hùng M. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Như H và ông Lưu Hùng M chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đặng Thị Như H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011768 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND p.P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Tấn Trường